

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 234/2024/DS-ST
Ngày 16 tháng 8 năm 2024
Tranh chấp: Hợp đồng cầm cố tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Trọng Tâm

Ông Võ Thanh Liêm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thúy Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 422/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2024 về việc: Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 287/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S T

Địa chỉ: Số 128 đường N, phường B, thành phố V, tỉnh N.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Ngọc Q – chức vụ: Nhân viên Công ty Cổ phần S T, chi nhánh C; Địa chỉ: Số 00, đường 00, phường 0, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn trình bày: Ngày 06/02/2021 ông Nguyễn Văn T có đến Công ty Cổ phần S T, chi nhánh Cà Mau để ký hợp đồng cầm cố tài sản là chiếc xe mô tô hiệu HONDA loại Wave 110cc, biển số 69B1-568.99, số khung RLHJA3928LY104426, số máy JA39E2108831, giấy chứng nhận đăng ký xe số 001903 do Công an tỉnh Cà Mau cấp ngày 03/02/2021 với số tiền nhận cầm cố là 12.900.000 đồng, thời hạn cầm cố 18 tháng với mức lãi suất 1,1%/tháng. Theo hợp đồng cầm cố đã ký thì Công ty đã giải ngân đầy đủ số tiền 12.900.000 đồng cho ông T nhận. Do nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên Công ty có ký giấy cho ông T mượn lại xe sử dụng. Trong giấy mượn xe có

quy định rõ thời hạn mượn xe từ ngày 06/02/2021 đến ngày 06/3/2021. Ông T có cam kết rõ trong giấy mượn xe là hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận.

Quá trình trả nợ, ông T chưa thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng đã ký, đến nay đã quá hạn hợp đồng, ông T không trả nợ và không trả lại xe cho Công ty. Nay Công ty khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải thực hiện nghĩa vụ trả lại chiếc xe hiệu HONDA loại Wave 110cc, biển số 69B1-568.99 cho Công ty. Trường hợp không trả xe theo giấy mượn xe đã ký thì buộc ông T thanh toán số tiền từ hợp đồng cầm cố xe tạm tính đến ngày 27/5/2024 là 50.756.000 đồng (trong đó: Gốc 12.445.715 đồng; Lãi trong hạn 2.327.349 đồng; Lãi quá hạn 150% là 21.750.000 đồng; Phí quản lý hồ sơ là 8.463.086; Phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 995.657 đồng; Chi phí tố tụng 2.323.615 đồng) và chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký từ ngày 15/6/2024 đến khi thanh toán xong nợ.

Tại bản tự khai ngày 16/8/2024, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả số tiền (gốc) cầm cố xe còn nợ 12.446.000 đồng và lãi suất 1,1%/tháng tính từ ngày chậm thực hiện nghĩa vụ 06/4/2021 đến ngày xét xử là 03 năm 04 tháng 10 ngày với số tiền 5.521.000 đồng. Ngoài ra, không yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 26 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để xét xử nhưng vắng mặt không lý do; Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần nội dung yêu cầu khởi kiện là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung: Ngày 06/02/2021 ông Nguyễn Văn T có ký hợp đồng với Công ty Cổ phần S T để cầm cố tài sản của ông Thắng là chiếc xe mô tô hiệu HONDA loại Wave 110cc, biển số 69B1-568.99, số khung RLHJA3928LY104426, số máy JA39E2108831, giấy chứng nhận đăng ký xe số 001903 do Công an tỉnh Cà Mau cấp ngày 03/02/2021 đứng tên Nguyễn Văn T với số tiền 12.900.000 đồng, thời hạn cầm cố 18 tháng với mức lãi suất 1,1%/tháng, trả vốn lãi hàng tháng. Sau khi ký hợp đồng cầm cố thì cùng ngày Công ty đã cho ông T mượn lại xe sử dụng, có làm giấy mượn xe. Quá trình thực hiện nghĩa vụ, ông T đã trả được số tiền vốn lãi là 1.220.000 đồng (vốn 454.000 đồng) thì ngưng không trả vốn, lãi cho đến nay. Số tiền nợ gốc còn lại là 12.446.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt văn bản hợp lệ, nhận trực tiếp nhưng vắng mặt không lý do và không có văn bản ý kiến gửi Tòa án. Do đó, căn cứ vào hợp đồng cầm cố xe được ký giữa Công ty Cổ phần S T với ông T ngày 06/02/2021 và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, xét yêu cầu của

Công ty Cổ phần S T buộc ông T trả số tiền nợ gốc còn lại 12.446.000 đồng là có căn cứ, được chấp nhận.

Xét yêu cầu về lãi suất áp dụng mức lãi suất theo hợp đồng 1,1%/tháng là phù hợp với quy định. Số tiền lãi ông T phải trả cho Công ty khi vi phạm hợp đồng tính đến ngày xét xử là: 40 tháng 10 ngày x 1,1%/tháng x 12.446.000 đồng = 5.521.000 đồng. Tổng số tiền vốn và lãi ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần S T là 17.967.000 đồng.

Công ty Cổ phần S T có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Văn T bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe số 001903 do Công an tỉnh Cà Mau cấp ngày 03/02/2021 đứng tên Nguyễn Văn T khi ông T đã thanh toán xong nợ cho Công ty.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên Công ty Cổ phần S T không phải chịu án phí, đã qua có dự nộp nên được nhận lại. Ông Nguyễn Văn T thuộc diện người cao tuổi, Tòa án đã thông báo cho ông T biết và phải nộp cho Tòa án đơn xin miễn án phí theo quy định nhưng không có văn bản xin miễn gửi Tòa án để xem xét. Do đó, ông T phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 147, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 309, 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S T. Buộc ông Nguyễn Văn T trả cho Công ty Cổ phần S T số tiền 17.967.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người bị thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Buộc Công ty Cổ phần S T trả lại cho ông Nguyễn Văn T bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe số 001903 do Công an tỉnh Cà Mau cấp ngày 03/02/2021 đứng tên Nguyễn Văn T khi ông T đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Công ty.

2/ Về án phí dân sự có giá ngạch:

- Công ty Cổ phần S T không phải chịu án phí. Ngày 24/6/2024 Công ty Cổ phần S T có nộp tạm ứng 1.269.000 đồng theo biên lai số 0008902 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại khi án có hiệu lực.

- Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí 898.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kiều Trang